

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
(NSI)

HÀ NỘI 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	12
Điều 16. Thay đổi các quyền	12
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	18
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	19

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	22
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	24
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	24
Điều 29. Cán bộ quản lý.....	24
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.....	25
Điều 31. Thư ký Công ty	26
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	26
Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	26
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	27
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	28
X. BAN KIỂM SOÁT.....	28
Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát	28
Điều 36. Ban Kiểm soát	29
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	30
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.....	31
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	31
Điều 39. Cổ tức.....	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 41. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các loại quỹ khác.....	32
Điều 42. Năm tài chính.....	32
Điều 43. Hệ thống kế toán.....	32
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	32
Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	32
Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	33
Điều 46. Kiểm toán	33
XVII. CON DẤU	34
Điều 47. Con dấu	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 48. Chấm dứt hoạt động.....	34
Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông	34

Điều 50. Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	36
Điều 53. Ngày hiệu lực	36
Điều 54. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.....	36

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và được sửa đổi, bổ sung theo quyết định thay đổi của Đại hội đồng cổ đông Công ty vào ngày 20 tháng 9 năm 2019 và được xây dựng trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị quyết số: 38/2019/NQ-ĐHCD ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia,

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
 - "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có), được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 - Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
 - Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
- Tên tiếng Anh: NATIONAL SECURITIES INCORPORATION
- Tên viết tắt: NSI

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 39445474
- Fax: (84-24) 39445475
- E-mail: report@nsi.vn
- Website: www.nsi.com.vn

4. Công ty có thể thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính sau khi thông qua và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Người đại diện theo pháp luật

- a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - b. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - c. Quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
 - Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ.
 - d. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật: được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan.
- 6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.**
- 7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.**

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác
- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán và
- Các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật cho phép và Công ty có thể được phép thực hiện theo quy định tại Điều 4.2 của Điều lệ này.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; bảo toàn vốn và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với ngành nghề ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 170.000.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 17.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định xử lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có sự chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể quyết định chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 6 của Điều lệ này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp Chứng chỉ cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Chứng chỉ cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc bất kỳ một khoản phí gì khi mua cổ phiếu mới được phát hành.

4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số lượng cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng, bị tẩy xóa nhòe mờ, bị mất hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp lại chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra được các bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc phi chứng chỉ) được phép chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản thỏa thuận chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ cổ phiếu, quản lý và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có đầy đủ dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần của Công ty đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ thì không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải nộp theo thông báo góp vốn hoặc phát hành, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất tính trên khoản tiền chậm nộp đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới với thời hạn tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần mà cổ đông chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng Quản trị có quyền ra quyết định thu hồi số cổ phần đó.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền chào bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có những sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- b. Hội đồng Quản trị (HĐQT);
- c. Ban Kiểm soát (BKS);
- d. Tổng Giám đốc điều hành (TGD).

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;
 - b. Nhận cổ tức;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần sau khi đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán đầy đủ cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Điều 24.3 và Điều 35.2 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; nội dung cụ thể về vấn đề cần kiểm tra và mục đích của việc kiểm tra;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty;
- 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo đúng quy định;
- 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp đặc biệt được pháp luật cho phép.

2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm tổ chức phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tham vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất từ 1/2 (một nửa) trở lên;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị còn ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 1/3 số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông có liên quan (văn bản kiến nghị này có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Cán bộ quản lý cấp cao có những vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động và/hoặc có ý định hành động vượt ra ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13 của Điều lệ này.
- b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 nêu trên thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 nêu trên thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông và/hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu như quy định tại Khoản 3d Điều 13 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông và/hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn trả lại. Chi phí này không bao gồm những khoản chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề:

- a. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo thẩm tra và báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
- c. Báo cáo thường niên của Hội đồng Quản trị;
- d. Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - d. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
 - f. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời kiêm nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
 - g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Công ty mua lại trên 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành trong mỗi 12 tháng;
 - o. Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 160.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các Quy định và Quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng như quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp đều phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì cổ đông phải xác định rõ ràng, cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cho mỗi người đại diện.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu phù hợp của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có đầy đủ chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào nội tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền của cổ đông cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó nếu trước đó thư ủy quyền chưa được đăng ký với Công ty.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 nêu trên, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp đã được quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này có liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) phiếu có quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông trở lên (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị tính theo mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như quy định nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các

cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần có quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp như quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; nội dung chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm nội dung chương trình họp và các thông tin có liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty và 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký chính thức của cổ đông, hoặc gửi tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 10 (mười ngày) trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Trường hợp Công ty có trang tin điện tử (website) riêng thì thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Công ty được miễn trách nhiệm nếu đã thực hiện đầy đủ việc gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông như đã quy định nêu trên mà cổ đông vẫn không nhận được hoặc nhận được không kịp thời thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông và/hoặc nhóm cổ đông như được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm thành văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm đầy đủ họ và tên cổ đông, số lượng

và loại cổ phần người đó nắm giữ, và những nội dung cụ thể đề nghị đưa vào nội dung chương trình cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 nêu trên trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng trong thời hạn hoặc không đầy đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông và/hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông và/hoặc không đảm bảo điều kiện nắm giữ trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;
- c. Vấn đề đề xuất bổ sung nội dung chương trình cuộc họp không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục và/hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình nghị sự.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá mười một người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều 19 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy hoặc thẻ ra vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ đều được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20 này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% (năm một phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
- d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 dưới đây.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 144.3 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo những quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký chính thức của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định;

e. Phương thức biểu quyết bao gồm: Tán thành, Không tán thành và không có ý kiến hoặc ý kiến khác;

f. Thời hạn cuối cùng phải gửi ý kiến biểu quyết về Công ty;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức kèm có đóng dấu hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi tổ chức việc kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax đều không hợp lệ; phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của đại diện cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách các cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến hoặc ý kiến khác đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được cổ đông thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của kết quả và biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực và/hoặc không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được thông báo đến các cổ đông với phương thức thích hợp trong thời vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu và toàn văn Nghị quyết đã được thông qua, các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thông báo cho tất cả các cổ đông với phương thức thích hợp trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục đã được pháp luật quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi thông báo biên bản. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các bản ghi chép, biên bản, sổ đăng ký có chữ ký của các cổ đông tham dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 5 (năm người) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không tham gia trực tiếp điều hành Công ty phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Cổ đông cá nhân nắm giữ trên 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền ứng cử hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 20% (hai mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất

6 (sáu) tháng được đề cử một thành viên; nắm giữ trên 20% (hai mươi phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử 2 (hai) thành viên; nắm giữ trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử 3 (ba) thành viên; nắm giữ trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên đến 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử 4 (bốn) thành viên và nếu nắm giữ trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức việc đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành việc đề cử.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ nhiệm đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5.e trên đây, thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có một quyết định của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

6. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất ngay sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên này trong thời gian từ lúc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng cổ đông ra quyết định không chấp thuận vẫn được công nhận là có giá trị và những Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được thông qua sẽ không bị vô hiệu.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng đầu tư (nếu có).

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định về kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) quy định tại Điều 162.2 Luật Doanh nghiệp;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - f. Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần đã phát hành trong mỗi 12 tháng;
 - g. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch có thể uỷ quyền cho thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do nào đó mà không có uỷ quyền cho thành viên khác, Hội đồng Quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số, quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị xin từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau, thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.

3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản có trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ quản lý;

b. Hai thành viên điều hành Hội đồng Quản trị;

c. Đa số thành viên Ban Kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp như được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị kịp thời để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện bằng cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp có sự hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở tại địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác trong lãnh thổ Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí đa số thành viên Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được gửi tới cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải có đầy đủ nội dung chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết có liên quan về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phiếu bầu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm rằng sẽ đến được địa chỉ đã được đăng ký tại Công ty của từng thành viên Hội đồng Quản trị.

8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết thông qua.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27 dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền tham dự trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tham gia biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích, và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào số lượng tối thiểu cần thiết có mặt như quy định tại Khoản 9b Điều 27 trên đây để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền tham gia biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27 dưới đây, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng như được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến sẽ ký kết với Công ty và biết là mình sẽ có lợi ích trong đó, sẽ có nghĩa vụ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc phê chuẩn giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này đã biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng có liên quan.

11. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng Quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là mỗi thành viên tham gia cuộc họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu ý kiến trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

13. Các thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành bằng tiếng Việt. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể nói hoặc không hiểu tiếng Việt có thể mang theo phiên dịch cho bản thân mình đến tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị.

14. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 9b Điều 27 trên đây để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập hiện diện và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu trên mỗi bản sao đó có chữ ký của ít nhất một thành viên.

15. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về những nội dung công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười ngày) kể từ khi biên bản được chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.

16. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đã đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên, đồng thời cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban, nhưng: (a) Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn 1/2 (một nửa) tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế Toán trưởng. Các chức danh này có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề xuất của Tổng Giám đốc điều hành và được sự phê chuẩn của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý theo nhu cầu cần thiết, phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để đảm bảo các hoạt động và tính tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.

3. Hội đồng Quản trị có thể phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định việc tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, xác định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với một số chức danh quản lý bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức, phù hợp với thực tế hệ thống tổ chức của Công ty từng thời điểm.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành

1. Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc ký hợp đồng thuê một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp và các quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành tối đa là 5 (năm) năm, nhiệm kỳ cụ thể sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định khi bổ nhiệm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật quy định cấm đảm nhiệm chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù về các tội chức vụ và quản lý mà chưa được xóa án, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho doanh nghiệp mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và các quy chế, quy định của Công ty;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần phải có để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn, và đề xuất để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với các cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động ký với người lao động trong Công ty;

e. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng Quản trị để phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách hợp lý cũng như kế hoạch tài chính năm năm, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quy định khác.

f. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

g. Đề xuất những giải pháp, biện pháp thích hợp nhằm nâng cao năng lực hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin theo quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, nội dung hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành.

f. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và có nghĩa vụ phải báo cáo các cơ quan này kịp thời khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này sẽ không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành nếu đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế vị trí này.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản quy định theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi miễn Thư ký Công ty khi cần, nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể xem xét bổ nhiệm một (hay nhiều) trợ lý cho Thư ký Công ty theo yêu cầu của từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Sắp xếp và chuẩn bị cho các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban Kiểm soát;

b. Ghi sổ biên bản hoặc lập Biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về trình tự thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác có liên quan cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật tuyệt đối thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, miễn cưỡng và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty, với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ vị trí và chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị khác không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý và những người liên quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng Quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp có liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban có liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc các giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị khác không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý đã được công bố cho các cổ đông khác không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc các giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc các giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện có liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm các giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các

cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này (giao dịch nội gián).

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý nếu vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng, cản trở và phù hợp với năng lực chuyên môn, sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố mà đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, các cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền hoặc người đó đã và/hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này, trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và phù hợp với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp, và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có tối thiểu 03 (ba) đến tối đa 5 (năm) thành viên. Thành phần Ban Kiểm soát phải có ít nhất 1 (một) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán và thành viên này không phải là nhân viên làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban, Trưởng Ban Kiểm soát phải là cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông pháp nhân của Công ty, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định và/hoặc phê chuẩn khác. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập các cuộc họp của Ban Kiểm soát và triển khai các hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông cá nhân nắm giữ trên 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền ứng cử hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10%

(mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến 20% (hai mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng được đề cử một thành viên; nắm giữ trên 20% (hai mươi phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử 2 (hai) thành viên; nắm giữ trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử 3 (ba) thành viên; nắm giữ trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên đến 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử 4 (bốn) thành viên và nếu nắm giữ trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên Ban Kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 5 (năm) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần hoặc các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trừ trường hợp như quy định tại điểm 4.e trên đây, thành viên Ban Kiểm soát sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Ban Kiểm soát có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có một quyết định của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Điều lệ này, những quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu của Ban Kiểm soát bao gồm:

- a. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán, mọi vấn đề có liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm đơn vị kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất, nội dung và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu tiến hành công tác kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm soát các hoạt động, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng Quản trị;

- e. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm trước khi đệ trình lên Hội đồng Quản trị để thông qua Đại hội đồng cổ đông;
- f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại được phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ, cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- g. Xem xét thư quản lý của đơn vị kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành Công ty;
- h. Xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị phê chuẩn; và
- i. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành Công ty.
2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời và đầy đủ tất cả các thông tin, tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp đầy đủ cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và quy chế, cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 2 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát phải đảm bảo có mặt tối thiểu 2/3 (hai phần ba).
4. Thù lao cho Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi mà họ tham gia các chương trình hoạt động hoặc các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: a) Danh sách cổ đông, b) Các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và c) Sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý có nhiệm vụ liên quan có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình, với điều kiện các thông tin này phải được cam kết bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy định và quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm soát nội bộ, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc tại một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh đã được thông báo để biết về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được yêu cầu Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có trang tin điện tử (website) riêng thì Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề trình Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề có liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trợ cấp thất nghiệp, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động, cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo đúng các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này là phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Công ty không trả lãi cho các khoản tiền trả cổ tức hay các khoản tiền chi trả khác liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể như cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty phát hành hành và/hoặc cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do một công ty khác phát hành, và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam với một phương thức thanh toán thích hợp. Trường hợp có rủi ro phát sinh khi thanh toán theo phương thức mà cổ đông yêu bởi thông tin của các cổ đông không chuẩn xác, thì cổ đông sẽ phải chịu rủi ro đó. Ngoài ra, các khoản tiền chi trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi mà Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông một cách an toàn. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty sẽ không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền mà Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu khi đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được tiến hành theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông của Công ty thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
6. Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ

đồng hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng với ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này sẽ không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong các giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán có liên quan.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo đúng các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các loại quỹ khác

1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản bổ sung vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Công ty.
2. Công ty có thể trích lập các loại quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai(12) cùng năm.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài Báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp, báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định hiện hành của Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán. Báo cáo tài chính sáu tháng phải được kiểm toán soát xét theo đúng các quy định hiện hành.

4. Bản tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông, được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng 3 (ba) số liên tiếp. Trường hợp Công ty có trang tin điện tử (website) riêng, các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền xem xét hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp này.

Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đồng thời phải nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ thông qua việc chỉ định một đơn vị kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết nhằm để tiến hành các hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo, dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát.

2. Việc bổ nhiệm đơn vị kiểm toán phải được thực hiện trước khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho đơn vị kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

4. Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng không quá 2 (hai) tháng sau ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

5. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

6. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có liên quan và được quyền nhận các thông báo, thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu

ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến hoạt động kiểm toán đã thực hiện.

XVII. CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo đúng quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ sử dụng và quản lý con dấu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo và/hoặc xin chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa (50%) số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong công tác quản lý các hoạt động của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ Công ty và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 50. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm tối thiểu 3 (ba) thành viên. Tối thiểu 2 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và tối thiểu 1 (một) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một đơn vị kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động thanh lý và của Ban. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc có liên quan đến hoạt động thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên đã được pháp luật quy định như sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên trong Công ty;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ và nghĩa vụ nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) nêu trên sẽ được phân chia cho các cổ đông theo đúng tỷ lệ sở hữu vốn. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay các cán bộ quản lý;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp đó.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 8 (tám) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Toà án Kinh tế để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào sẽ phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 54 điều và đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua ngày 20 tháng 9 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau và lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

Điều 54. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hải Dương

